

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty/Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực mua bán máy móc, trang thiết bị Y tế, thiết bị chuyên dùng trong nước, hộ kinh doanh.

Bệnh viện Da liễu có nhu cầu tiếp nhận báo giá (theo mẫu báo giá đính kèm) để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm thiết bị y tế chuyên dùng năm 2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Da liễu tỉnh Đắk Lắk (Cơ sở 2)
Địa chỉ: 235 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà: Hoàng Phạm Pha Lê . Địa chỉ mail: phalettdl0404@gmail.com

Số điện thoại: 0944194545

Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc đường Bưu điện theo địa chỉ: Bệnh viện Da liễu tỉnh Đắk Lắk, Địa chỉ: 235 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 16 giờ ngày 29 tháng 09 năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị chuyên dùng

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Máy điện di	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 (Đính kèm)	01	Máy
2	Máy ly tâm	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 (Đính kèm)	01	Máy
3	Máy đốt Laser Co2 siêu xung phẫu thuật 30W	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 (Đính kèm)	01	Máy
4	Máy LASER thẩm mỹ	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 (Đính kèm)	01	Máy
5	Máy làm lạnh	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 (Đính kèm)	01	Máy
6	Máy hút khói, khử mùi	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 (Đính kèm)	01	Máy

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
7	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 (Đính kèm)	01	Máy
8	Nồi hấp tiệt trùng	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 (Đính kèm)	01	Máy
9	Hệ thống xử lý nước thải	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 (Đính kèm)	01	Hệ thống

2. Các thông tin khác (nếu có)

3. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá:

- Bảng giá: Mẫu số 01

- Tài liệu kỹ thuật có liên quan: 01 bản in và 01 bản mềm lưu USB hoặc gửi qua mail

- Hợp đồng tương tự (nếu có)

Bệnh viện Da liễu rất mong nhận được báo giá và các tài liệu liên quan của quý Công ty/ Doanh nghiệp.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TCHC-TCKT-CTXH.

KT/GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Lý

CÁC BIỂU MẪU ĐÍNH KÈM HỒ SƠ BÁO GIÁ

(Đính kèm công văn mời chào giá số/CV-BV ngày tháng..... năm 2024)

BÁO GIÁ

Kính gửi:

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Da liễu, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Cấu hình, chức năng, thông số kỹ thuật	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng ⁽⁷⁾	Đơn vị tính	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1												
2												
...												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

- Giá đã bao gồm các chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản và toàn bộ các loại thuế, chi phí liên quan theo quy định
- Thời hạn hiệu lực báo giá tối thiểu 120 ngày kể từ ngày tháng năm 2025 (ngày cuối cùng của thời hạn tiếp nhận báo giá theo nội dung thông báo yêu cầu báo giá của Chủ đầu tư)
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Da liễu tỉnh Đắk Lắk (Cơ sở 2).
- Chúng tôi cam kết:
 - Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

5. Thông tin liên hệ của đơn vị báo giá: (ghi rõ thông tin người phụ trách làm báo giá)

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

PHỤ LỤC 01 -DANH SÁCH TRANG THIẾT BỊ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

(Đính kèm công văn mời chào giá số/TMBG-BVDL ngày tháng 09 năm 2025)

ĐVT: ngàn đồng

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch
01	Máy điện di	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương Chất lượng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau Thiết bị hoạt động phù hợp với điện lưới Việt Nam Yêu cầu cấu hình: Loại: Thiết bị chăm sóc da điện di Tần số: $\geq 5\text{KHz}$ (hoặc tương đương) Điện áp: $\geq 30\text{ V}$ (hoặc tương đương) Chế độ nhiệt: Nóng: $30^{\circ}\text{C} \sim 45^{\circ}\text{C}$ (hoặc tương đương) Lạnh: $-20^{\circ}\text{C} \sim 20^{\circ}\text{C}$ (hoặc tương đương) Tay cầm: Multifunction handle, Skin Scrubber, Earth pole (hoặc tương đương) Kích thước máy: xấp xỉ W 350 × D 260 × H 140 mm (sai số $\pm 10\%$ hoặc tương đương)	Cái	01	101.700
02	Máy ly tâm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương Chất lượng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau Thiết bị hoạt động phù hợp với điện lưới Việt Nam Yêu cầu cấu hình: Dung tích ống: 8 – 12 × 15 ml (hoặc tương đương) Tốc độ ly tâm tối đa: 6.000 – 6.800 vòng/phút (hoặc tương đương) Lực ly tâm (RCF): 4.065 – 4.445 × g (hoặc tương đương) Tốc độ ly tâm cài đặt: 200 – 6.800 vòng/phút (hoặc tương đương) Bộ điều khiển: Vi xử lý, màn hình LCD	Cái	01	45.000

		rộng (hoặc tương đương) Tự động ngắt khi roto mất cân bằng (hoặc tương đương) Thiết kế: Truy cập nhanh vào mẫu, tháo lắp roto dễ dàng Gia tốc và giảm tốc theo 10 mức độ, vận hành êm, không giật Chức năng: Độ ồn: < 60 dBA (hoặc tương đương) Công suất: 50 – 150 W (hoặc tương đương) Nguồn điện: 100 – 230 V / 50 – 60 Hz (hoặc tương đương) Trọng lượng máy: 8 – 12 kg (hoặc tương đương)			
03	Máy đốt Laser CO2 siêu xung phẫu thuật 30W	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương Chất lượng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau Thiết bị hoạt động phù hợp với điện lưới Việt Nam Yêu cầu cấu hình: Loại laser: Laser phẫu thuật CO₂, bước sóng 10.600 nm hoặc tương đương Nguồn phát (bóng laser): CO₂ thủy tinh hoặc tương đương Công suất laser: 30W hoặc tương đương Chế độ hoạt động: liên tục, xung đơn, siêu xung Thời gian siêu xung: 100 – 2000 µs hoặc tương đương Tần số phát: 1 – 100 Hz hoặc tương đương Tay cầm: có tối thiểu 2 loại tay cầm phẫu thuật với tiêu cự tương đương F-50 mm và F-100 mm Kích thước điểm chiếu: 0.5 mm. Thời gian On/Off: 0.01 – 1 s hoặc tương đương Hệ thống làm mát: tuần hoàn nước khép kín Chùm tia laser dẫn đường: có	Cái	01	255.600
04	Máy Laser thẩm mỹ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương Chất lượng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau Thiết bị hoạt động phù hợp với điện lưới	Cái	01	630.000

		Việt Nam Yêu cầu cấu hình: Loại laser: Laser CO₂ vi điểm hoặc tương đương Chỉ định lâm sàng: hỗ trợ điều trị các vấn đề da liễu và thẩm mỹ (seo, lỗ chân lông to, nếp nhăn, nám, tàn nhang, tổn thương lành tính ngoài da, trẻ hóa, tái tạo bề mặt da) hoặc tương đương Bước sóng: ≥ 10.600 nm hoặc tương đương Nguồn phát (bóng laser): thủy tinh hoặc tương đương Công suất laser: ≥ 30W (hoặc tương đương) Chế độ hoạt động: vi điểm, Ultra, liên tục, xung đơn, xung lặp lại, siêu xung Chế độ scan: ≥ 2 chế độ Hình dạng tia chiếu: vuông, tam giác, elip... Kích thước điểm chiếu: có thể điều chỉnh phù hợp Tia laser dẫn đường: có Hệ thống làm mát: tuần hoàn nước khép kín Điều khiển: màn hình cảm ứng			
05	Máy hút khói, khử mùi	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương Chất lượng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau Thiết bị hoạt động phù hợp với điện lưới Việt Nam Yêu cầu cấu hình: Công suất hút: ≥ 800W hoặc tương đương Lưu lượng khí: 2.7 – 20 m³/phút hoặc tương đương Áp suất hút: 0.9807kPa - 230kPa hoặc tương đương Chiều dài ống hút: ≥ 1000 mm hoặc tương đương Bộ lọc: 3 – 4 lớp hoặc tương đương Trọng lượng máy: 12 - 17kg	Cái	01	59.400

06	Máy làm lạnh	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương Chất lượng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau Thiết bị hoạt động phù hợp với điện lưới Việt Nam Yêu cầu cấu hình: Luồng khí: ≥ 1000 L/phút Nhiệt độ làm lạnh thấp nhất: -35°C hoặc tương đương Tay cầm: nhiều kích cỡ, phù hợp các vùng điều trị khác nhau Nguồn điện: 100 – 240V, 50/60Hz Chiều dài ống khí: ≥ 1000 mm hoặc tương đương Trọng lượng: ≤ 60 kg hoặc tương đương	Cái	01	280.800
07	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương Chất lượng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau Thiết bị hoạt động phù hợp với điện lưới Việt Nam Yêu cầu cấu hình: Màng lọc HEPA: Hiệu quả $\geq 99,999\%$ cho các hạt $\geq 0,3 \mu\text{m}$ (H14 theo EN 1822 hoặc tương đương) Vật liệu tủ: thép cán nguội phủ sơn Epoxy Polyester, độ dày $\geq 1,5$ mm hoặc tương đương Bàn làm việc: Thép không gỉ 304 hoặc tương đương Kiểm soát tốc độ luồng gió: hệ thống điều khiển vi xử lý, màn hình LED, tự động bù tốc độ khi bộ lọc tăng sức cản hoặc tương đương Tốc độ khí: khoảng $0,4 \text{ m/s} \pm 20\%$ (khí vào và khí xuống) hoặc tương đương Quạt thổi: loại ly tâm hiệu suất cao, vòng bi bôi trơn suốt đời Đèn chiếu sáng: ≥ 1.000 lux, điện áp thấp hoặc tương đương Độ ồn: ≤ 60 dBA	Cái	01	294.300

		Nguồn cấp: 230V, 50 Hz hoặc tương đương Công suất tiêu thụ: ≥ 1860 W hoặc tương đương Kích thước bên trong (WxDxH): xấp xỉ $1190 \times 600 \times 650$ mm (sai số $\pm 10\%$) hoặc tương đương Kích thước bên ngoài (WxDxH): xấp xỉ $1360 \times 795 \times 1400$ mm (sai số $\pm 10\%$) hoặc tương đương			
08	Nồi hấp tiệt trùng	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương Chất lượng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau Thiết bị hoạt động phù hợp với điện lưới Việt Nam Yêu cầu cấu hình: Dung tích buồng: ≥ 50 lít Công suất tiêu thụ: $\geq 3,5$ kW hoặc tương đương Nguồn điện: AC 220V, 50Hz Áp suất thiết kế: 0,25 Mpa hoặc tương đương Nhiệt độ thiết kế: 139°C hoặc tương đương Áp suất làm việc: $\geq 0,22$ Mpa hoặc tương đương Nhiệt độ làm việc tối đa: 134°C Phạm vi nhiệt độ tiệt trùng: $116\text{--}134^{\circ}\text{C}$	Cái	01	55.800

		Phạm vi cài đặt thời gian khử trùng: 4–120 phút Phạm vi cài đặt thời gian sấy: 0–240 phút Kích thước buồng: xấp xỉ Ø 350 × 525 mm hoặc tương đương Kích thước bucket: xấp xỉ Ø 330 × 460 mm hoặc tương đương Kích thước giỏ: xấp xỉ (Ø 320 × 240 mm) × 2 hoặc tương đương Kích thước bên ngoài (DxRxC): xấp xỉ 480 × 480 × 1120 mm (sai số ±10%) hoặc tương đương Kích thước đóng gói (DxRxC): xấp xỉ 580 × 630 × 1230 mm (sai số ±10%) hoặc tương đương Trọng lượng: khoảng 80 kg (±10%) hoặc tương đương			
09	Hệ thống xử lý nước thải	Chất lượng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau Thiết bị hoạt động phù hợp với điện lưới Việt Nam Yêu cầu cấu hình: Công suất: ≥300lit/ngày Module hợp khối: chế tạo bằng Composite, hoặc tương đương + kích thước tổng thể khoảng 1.0×1.0×1.0 m (sai số ±10%); có 02 ngăn (ngăn thu gom và ngăn xử lý màng MBR). Màng lọc MBR hoặc tương đương: Tuổi thọ: ≥ 5 năm Vật liệu khung đỡ màng: UPVC hoặc tương đương Kích thước lỗ màng: ≤ 0.2 µm Đường kính sợi màng: OD/ID: 1.9mm/0.7mm (sai số ±0.1%) Bơm nước thải: kiểu đặt cạn hoặc đặt chìm, công suất khoảng 125 W, điện áp 220 V hoặc tương đương Máy thổi khí: kiểu đặt cạn, lưu lượng ≥ 35 L/phút, công suất khoảng 20 W hoặc tương đương Chi phí khác: Vật tư đường ống: uPVC hoặc tương đương Tủ điện điều khiển tự động Nhân công lắp đặt, vận chuyển	Cái	01	48.400